

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 5933 /UBND-SNV

V/v kết quả lấy ý kiến Nhân dân  
về thành lập các phường

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính; thực hiện Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị, UBND thành phố Đà Nẵng đã chỉ đạo các địa phương hoàn thành việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và lập Báo cáo Tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân liên quan đến thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã (đính kèm).

Để đảm bảo quy trình hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định, UBND thành phố Đà Nẵng kính gửi Báo cáo Tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân liên quan đến thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã và kính đề nghị Văn phòng Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Chính phủ công khai kết quả lấy ý kiến Nhân dân nêu trên tại Cổng thông tin điện tử Chính phủ theo quy định.

UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Văn phòng Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Chính phủ quan tâm, đăng tải thông tin nêu trên. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các thành viên UBND TP;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, SNV. 6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng

## BÁO CÁO

### Tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân liên quan đến thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã thuộc thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính; thực hiện Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị, UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân liên quan đến thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã thuộc thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

#### I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

Sở Nội vụ đã tham mưu UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng<sup>1</sup>; trong đó, đặt ra lộ trình triển khai thực hiện, phân công và gắn trách nhiệm trong thực hiện từng nhiệm vụ đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương. UBND thành phố đã chỉ đạo các địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, xây dựng Đề án thành lập phường trên cơ sở nguyên trạng các xã thuộc thành phố Đà Nẵng. Trên cơ sở Đề án của các địa phương, Sở Nội vụ đã tổng hợp, tham mưu UBND thành phố báo cáo Đảng ủy UBND thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy cho chủ trương thống nhất việc thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã thuộc thành phố Đà Nẵng. Ban Thường vụ thành ủy đã có công văn số 140/-CV/TU ngày 02/06/2026 về thống nhất chủ trương thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã thuộc thành phố.

UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 04/06/2026 về tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về việc thành lập các phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các địa phương có liên quan đã tổ chức xây dựng

<sup>1</sup> Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 07/05/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về xây dựng Đề án thành lập đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

kế hoạch thực hiện lấy ý kiến nhân dân và tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đến từng hộ gia đình trên địa bàn.

Bên cạnh đó, UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo các địa phương, các cơ quan, ban ngành có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, làm rõ tầm quan trọng, ý nghĩa và những tác động tích cực của việc thực hiện chủ trương thành lập các phường; tăng cường công tác vận động, thuyết phục tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ban, ngành, đoàn thể các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân ở các địa phương.

## II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

UBND cấp xã đã tổ chức việc lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ. Qua tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân từ các xã có liên quan như sau:

### 1. Kết quả tổng quan

- Tổng hộ gia đình của 10 xã là 114.097 hộ.
- Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến là 108.599/114.097 đạt tỷ lệ 95,18%.
- Số hộ đồng ý là 108.038/108.599 đạt 99,48%.
- Số hộ không đồng ý là 548/108.599 đạt 0,51%.
- Số hộ có ý kiến không hợp lệ: 13/108.599 đạt 0,01%.
- Số hộ có ý kiến khác: 0%.

### 2. Kết quả đối với từng xã

TT	Xã	Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
					Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Hòa Vang	6.957	6.951	99,91	6.947	99,94	4	0,06	0	0,00	0,00	0,00
2	Hòa Tiến	9.748	9.619	98,68	9.616	99,97	3	0,03	0	0,00	0,00	0,00
3	Bà Nà	6.567	6.567	100,00	6.520	99,28	47	0,72	0	0,00	0,00	0,00
4	Đại Lộc	15.367	15.193	98,87	15.183	99,93	10	0,07	0	0,00	0,00	0,00
5	Điện Bàn Tây	11.097	11.097	100,00	10.881	98,05	215	1,94	1	0,01	0,00	0,00
6	Chiên Đàn	8.193	7.816	95,40	7.708	98,62	108	1,38	0	0,00	0,00	0,00
7	Núi Thành	19.526	15.643	80,11	15.571	99,54	72	0,46	0	0,00	0,00	0,00
8	Tam Anh	8.303	7.549	90,92	7.527	99,71	22	0,29	0	0,00	0,00	0,00
9	Nam Phước	14.079	14.079	100,00	14.045	99,76	33	0,23	1	0,01	0,00	0,00
10	Thăng Bình	14.260	14.085	98,77	14.040	99,68	34	0,24	11	0,08	0,00	0,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>114.097</b>	<b>108.599</b>	<b>95,18</b>	<b>108.038</b>	<b>99,48</b>	<b>548</b>	<b>0,51</b>	<b>13</b>	<b>0,01</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>

(Bảng tổng hợp đầy đủ tại Phụ lục đính kèm)

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân liên quan đến việc thành lập các phường thuộc thành phố Đà Nẵng, UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Chính phủ. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- BTV Thành ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND TP (để b/c);
- Ban TT UBMTTQVN TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các thành viên UBND TP;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.

6 ư

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Hùng**

Phụ lục

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN VỀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG TRÊN CƠ SỞ NGUYÊN TRẠNG CÁC XÃ THUỘC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(kèm theo Báo cáo số 523 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I	Xã Hòa Vang	6.951	6.951	100,00	6.957	6.951	100,00	6.947	100,00	4	0,00	0	0,00	0	0,00
1	Phú Túc	161	161	100,00	161	161	100,00	161	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Hòa Hải	156	156	100,00	157	156	99,36	156	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Hòa Phát	171	171	100,00	172	171	99,42	171	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
4	Đông Lâm	331	331	100,00	331	331	100,00	330	100,00	1	0,30	0	0,00	0	0,00
5	Hội Phước	227	227	100,00	227	227	100,00	227	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
6	Hòa Thọ	162	162	100,00	162	162	100,00	162	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
7	An Châu	130	130	100,00	130	130	100,00	130	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
8	Nam Thành	236	236	100,00	236	236	100,00	236	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Hòa Phước	205	205	100,00	206	205	99,51	205	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
10	Khương Mỹ	404	404	100,00	404	404	100,00	404	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	An Tân	294	294	100,00	294	294	100,00	294	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	Dương Lâm 2	421	421	100,00	421	421	100,00	421	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
13	Cẩm Toại Tây	508	508	100,00	508	508	100,00	508	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	Cẩm Toại Trung	553	553	100,00	556	553	99,46	552	100,00	1	0,18	0	0,00	0	0,00
15	Cẩm Toại Đông	429	429	100,00	429	429	100,00	428	100,00	1	0,23	0	0,00	0	0,00
16	Dương Lâm 1	186	186	100,00	186	186	100,00	186	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
17	Túy Loan Đông 1	409	409	100,00	409	409	100,00	409	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
18	Túy Loan Tây	665	665	100,00	665	665	100,00	665	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
19	Túy Loan Đông 2	512	512	100,00	512	512	100,00	512	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
20	Thạch Bờ	150	150	100,00	150	150	100,00	150	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
21	Bồ Bản	641	641	100,00	641	641	100,00	640	100,00	1	0,16	0	0,00	0	0,00
<b>II</b>	<b>Xã Hòa Tiến</b>	<b>9.619</b>	<b>9.619</b>	<b>100,00</b>	<b>9.748</b>	<b>9.619</b>	<b>98,68</b>	<b>9.616</b>	<b>100,00</b>	<b>3</b>	<b>0,03</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Phú Sơn Nam	449	449	100,00	449	449	100,00	449	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Phú Sơn 1	365	365	100,00	365	365	100,00	365	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Phú Sơn 2	480	480	100,00	480	480	100,00	480	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
4	Phú Sơn 3	338	338	100,00	348	338	97,13	338	97,13	0	0,00	0	0,00	0	0,00
5	Phú Sơn Tây	373	373	100,00	385	373	96,88	373	96,88	0	0,00	0	0,00	0	0,00
6	Hương Lam	510	510	100,00	510	510	100,00	510	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
7	Thôn 5	567	567	100,00	567	567	100,00	565	99,65	2	0,35	0	0,00	0	0,00
8	La Châu	343	343	100,00	364	343	94,23	343	94,23	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Gò Hà	300	300	100,00	307	300	97,72	300	97,72	0	0,00	0	0,00	0	0,00
10	La Châu Bắc	75	75	100,00	75	75	100,00	75	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	Bắc An	97	97	100,00	97	97	100,00	97	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	An Trạch	462	462	100,00	487	462	94,87	462	94,87	0	0,00	0	0,00	0	0,00
13	Lệ Sơn 2	427	427	100,00	446	427	95,74	427	95,74	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	Nam Sơn	267	267	100,00	267	267	100,00	267	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
15	Dương Sơn	395	395	100,00	395	395	100,00	395	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
16	Yến Nê 1	748	748	100,00	748	748	100,00	748	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
17	Thạch Bờ	196	196	100,00	196	196	100,00	196	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
18	Yến Nê 2	619	619	100,00	619	619	100,00	619	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
19	La Bông	794	794	100,00	794	794	100,00	794	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
20	Cầm Nê	605	605	100,00	640	605	94,53	605	94,53	0	0,00	0	0,00	0	0,00
21	Lệ Sơn Bắc	668	668	100,00	668	668	100,00	667	99,85	1	0,15	0	0,00	0	0,00
22	Lệ Sơn Nam	541	541	100,00	541	541	100,00	541	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
<b>III</b>	<b>Xã Bà Nà</b>	<b>6.567</b>	<b>6.567</b>	<b>100,00</b>	<b>6.567</b>	<b>6.567</b>	<b>100,00</b>	<b>6.520</b>	<b>99,00</b>	<b>47</b>	<b>0,72</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Phú Hòa 1	471	471	100,00	471	471	100,00	469	100,00	2	0,42	0	0,00	0	0,00
2	Phú Hòa 2	428	428	100,00	428	428	100,00	427	100,00	1	0,23	0	0,00	0	0,00
3	Thạch Nham Đông	553	553	100,00	553	553	100,00	553	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
4	Thạch Nham Tây	533	533	100,00	533	533	100,00	533	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
5	Phước Thái	203	203	100,00	203	203	100,00	203	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
6	Thái Lai	197	197	100,00	197	197	100,00	196	99,00	1	0,51	0	0,00	0	0,00
7	Phước Hưng Nam	146	146	100,00	146	146	100,00	146	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
8	Hòa Khương Đông	293	293	100,00	293	293	100,00	293	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Hòa Khương Tây	214	214	100,00	214	214	100,00	209	98,00	5	2,34	0	0,00	0	0,00
10	Phước Thuận - Phước Hậu	349	349	100,00	349	349	100,00	349	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	Phước Hưng	571	571	100,00	571	571	100,00	571	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	Trước Đông	301	301	100,00	301	301	100,00	265	88,00	36	11,96	0	0,00	0	0,00
13	Ninh An	188	188	100,00	188	188	100,00	188	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	Diêu Phong	237	237	100,00	237	237	100,00	237	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
15	Sơn Phước	491	491	100,00	491	491	100,00	491	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
16	Đông Sơn	226	226	100,00	226	226	100,00	224	99,00	2	0,88	0	0,00	0	0,00
17	An Sơn	226	226	100,00	226	226	100,00	226	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
18	Mỹ Sơn	181	181	100,00	181	181	100,00	181	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
19	Thôn 1	135	135	100,00	135	135	100,00	135	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
20	Thôn 5	148	148	100,00	148	148	100,00	148	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
21	Trung Nghĩa	210	210	100,00	210	210	100,00	210	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
22	Hòa Trung	266	266	100,00	266	266	100,00	266	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
<b>IV</b>	<b>Xã Đại Lộc</b>	<b>15.193</b>	<b>15.193</b>	<b>100,00</b>	<b>15.367</b>	<b>15.193</b>	<b>98,87</b>	<b>15.183</b>	<b>100,00</b>	<b>10</b>	<b>0,07</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Nghĩa Hiệp	679	679	100,00	679	679	100,00	679	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Phước Mỹ	539	539	100,00	539	539	100,00	539	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Song Mỹ	473	473	100,00	512	473	92,38	472	100,00	1	0,21	0	0,00	0	0,00
4	An Đông	563	563	100,00	583	563	96,57	563	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
5	Nghĩa Mỹ	605	605	100,00	618	605	97,90	605	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
6	Nghĩa Trung	542	542	100,00	593	542	91,40	542	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
7	Nghĩa Phước	608	608	100,00	607	608	100,16	608	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
8	Nghĩa Đông	459	459	100,00	459	459	100,00	459	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Hòa Đông	560	560	100,00	565	560	99,12	560	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
10	Nghĩa Tây	452	452	100,00	452	452	100,00	452	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	Hòa Bắc	430	430	100,00	432	430	99,54	430	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	Phiếm Ái 1	415	415	100,00	415	415	100,00	411	99,00	4	0,96	0	0,00	0	0,00
13	Phiếm Ái 2	435	435	100,00	421	435	103,33	435	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	An Lợi Tây	561	561	100,00	568	561	98,77	561	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
15	Hòa Mỹ	422	422	100,00	422	422	100,00	422	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
16	Đại Phú	364	364	100,00	364	364	100,00	364	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
17	Liên Thuận	395	395	100,00	395	395	100,00	395	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
18	Phú Hải	424	424	100,00	424	424	100,00	424	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
19	Phú Trung	496	496	100,00	498	496	99,60	496	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
20	Phú Quý	357	357	100,00	357	357	100,00	357	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
21	Đông Phú	357	357	100,00	357	357	100,00	357	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
22	Phú Đông	529	529	100,00	529	529	100,00	529	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
23	Tích Phú	379	379	100,00	379	379	100,00	376	99,00	3	0,79	0	0,00	0	0,00
24	Phú Mỹ	386	386	100,00	397	386	97,23	386	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
25	Phú Mỹ 1	409	409	100,00	409	409	100,00	409	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
26	Phú Hòa	380	380	100,00	380	380	100,00	379	100,00	1	0,26	0	0,00	0	0,00
27	Phú Phước	440	440	100,00	453	440	97,13	440	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
28	Quảng Huế	432	432	100,00	436	432	99,08	432	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
29	Phú Nghĩa	346	346	100,00	346	346	100,00	346	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
30	Thôn 1	412	412	100,00	412	412	100,00	412	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
31	Thôn 2	426	426	100,00	426	426	100,00	426	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
32	Thôn 3	350	350	100,00	372	350	94,09	350	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
33	Thôn 4	568	568	100,00	568	568	100,00	567	100,00	1	0,18	0	0,00	0	0,00
<b>V</b>	<b>Xã Điện Bàn Tây</b>	<b>11.097</b>	<b>11.097</b>	<b>100,00</b>	<b>11.097</b>	<b>11.097</b>	<b>100,00</b>	<b>10.881</b>	<b>98,00</b>	<b>215</b>	<b>1,94</b>	<b>1</b>	<b>0,01</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Giáo Ái	472	472	100,00	472	472	100,00	462	98,00	10	2,12	0	0,00	0	0,00
2	Thôn Ba	306	306	100,00	306	306	100,00	292	95,00	14	4,58	0	0,00	0	0,00
3	Thôn Tư	304	304	100,00	304	304	100,00	304	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
4	Lạc Thành Đông	286	286	100,00	286	286	100,00	281	98,00	5	1,75	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
5	Lạc Thành Nam	355	355	100,00	355	355	100,00	345	97,00	10	2,82	0	0,00	0	0,00
6	Lạc Thành Tây	249	249	100,00	249	249	100,00	249	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
7	Hòa An	260	260	100,00	260	260	100,00	257	99,00	3	1,15	0	0,00	0	0,00
8	Thanh An	291	291	100,00	291	291	100,00	291	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Đa Hòa Nam	236	236	100,00	236	236	100,00	236	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
10	Đa Hòa Bắc	233	233	100,00	233	233	100,00	220	94,00	13	5,58	0	0,00	0	0,00
11	Cầm Văn Bắc	229	229	100,00	229	229	100,00	229	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	Cầm Văn Tây	313	313	100,00	313	313	100,00	308	98,00	5	1,60	0	0,00	0	0,00
13	Cầm Văn Nam	318	318	100,00	318	318	100,00	318	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	Nông Sơn 1	455	455	100,00	455	455	100,00	450	99,00	5	1,10	0	0,00	0	0,00
15	Nông Sơn 2	408	408	100,00	408	408	100,00	399	98,00	9	2,21	0	0,00	0	0,00
16	La Hòa	281	281	100,00	281	281	100,00	252	90,00	29	10,32	0	0,00	0	0,00
17	Nhị Đình 1	474	474	100,00	474	474	100,00	467	99,00	7	1,48	0	0,00	0	0,00
18	Nhị Đình 2	492	492	100,00	492	492	100,00	492	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
19	Nhị Đình 3	461	461	100,00	461	461	100,00	450	98,00	11	2,39	0	0,00	0	0,00
20	Hạ Nông Tây	483	483	100,00	483	483	100,00	468	97,00	14	2,90	1	0,20	0	0,00
21	Hạ Nông Đông	534	534	100,00	534	534	100,00	495	93,00	39	7,30	0	0,00	0	0,00
22	La Huân	574	574	100,00	574	574	100,00	574	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
23	Châu Lâu	365	365	100,00	365	365	100,00	365	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
24	Phong Thử 1	476	476	100,00	476	476	100,00	455	96,00	21	4,41	0	0,00	0	0,00
25	Phong Thử 2	337	337	100,00	337	337	100,00	329	98,00	8	2,37	0	0,00	0	0,00
26	Phong Thử 3	263	263	100,00	263	263	100,00	263	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
27	Châu Thủy	249	249	100,00	249	249	100,00	249	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
28	Kỳ Lam	431	431	100,00	431	431	100,00	425	99,00	6	1,39	0	0,00	0	0,00
29	Kỳ Bì	416	416	100,00	416	416	100,00	411	99,00	5	1,20	0	0,00	0	0,00
30	Đông Đức	546	546	100,00	546	546	100,00	545	100,00	1	0,18	0	0,00	0	0,00
<b>VI</b>	<b>Xã Chiên Đàn</b>	<b>7.816</b>	<b>7.816</b>	<b>100,00</b>	<b>8.193</b>	<b>7.816</b>	<b>95,40</b>	<b>7.708</b>	<b>98,62</b>	<b>108</b>	<b>1,38</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Lâm Môn	325	325	100,00	325	325	100,00	324	99,69	1	0,31	0	0,00	0	0,00
2	Bình Thạnh	439	439	100,00	439	439	100,00	439	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Tân Quý	583	583	100,00	609	583	95,73	582	99,83	1	0,17	0	0,00	0	0,00
4	Thạnh Đức	464	464	100,00	495	464	93,74	460	99,14	4	0,86	0	0,00	0	0,00
5	Tam Cẩm	305	305	100,00	310	305	98,39	305	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
6	Tân Thịnh	422	422	100,00	439	422	96,13	421	95,90	1	0,24	0	0,00	0	0,00
7	Xuân Định	565	565	100,00	629	565	89,83	563	99,65	2	0,35	0	0,00	0	0,00
8	Phú Yên	721	721	100,00	738	721	97,70	705	97,78	16	2,22	0	0,00	0	0,00
9	Thạnh Hòa	685	685	100,00	728	685	94,09	681	99,42	4	0,58	0	0,00	0	0,00
10	Đàn Trung	465	465	100,00	500	465	93,00	461	99,14	4	0,86	0	0,00	0	0,00
11	Đàn Long	502	502	100,00	529	502	94,90	466	92,83	36	7,17	0	0,00	0	0,00
12	Hòa Bình	340	340	100,00	340	340	100,00	329	96,76	11	3,24	0	0,00	0	0,00
13	Trường Mỹ	374	374	100,00	374	374	100,00	374	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	Phước Lộc	397	397	100,00	403	397	98,51	389	97,98	8	2,02	0	0,00	0	0,00
15	Khánh Thịnh	421	421	100,00	467	421	100,00	419	99,52	2	0,48	0	0,00	0	0,00
16	Khánh Thọ	362	362	100,00	422	362	85,78	349	96,41	13	3,59	0	0,00	0	0,00
17	Xuân Phú	446	446	100,00	446	446	100,00	441	98,88	5	1,12	0	0,00	0	0,00
<b>VII</b>	<b>Xã Núi Thành</b>	<b>15.643</b>	<b>15.643</b>	<b>100,00</b>	<b>19.526</b>	<b>15.643</b>	<b>80,11</b>	<b>15.571</b>	<b>99,54</b>	<b>72</b>	<b>0,46</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Khối phố 1	723	723	100,00	808	723	89,48	719	99,00	4	0,55	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
2	Khối phố 2	538	538	100,00	733	538	73,40	537	100,00	1	0,19	0	0,00	0	0,00
3	Khối phố 3	724	724	100,00	1.060	724	68,30	722	100,00	2	0,28	0	0,00	0	0,00
4	Khối phố 4	687	687	100,00	905	687	75,91	687	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
5	Khối phố 5	710	710	100,00	803	710	88,42	709	100,00	1	0,14	0	0,00	0	0,00
6	Thôn Long Bình	430	430	100,00	484	430	88,84	419	97,00	11	2,56	0	0,00	0	0,00
7	Thôn Trung Toàn	497	497	100,00	640	497	77,66	497	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
8	Thôn Xuân Trung	473	473	100,00	600	473	78,83	473	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Thôn An Hải Đông	345	345	100,00	472	345	73,09	345	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
10	Thôn An Hải Tây	477	477	100,00	727	477	65,61	477	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	Thôn Sâm Linh Đông	442	442	100,00	589	442	75,04	442	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	Thôn Sâm Linh Tây	328	328	100,00	402	328	81,59	328	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
13	Thôn Thanh Long	426	426	100,00	530	426	80,38	426	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	Thôn An Tây	453	453	100,00	568	453	79,75	452	100,00	1	0,22	0	0,00	0	0,00
15	Thôn Thanh Trà	352	352	100,00	407	352	86,49	352	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
16	Thôn Tịch Tây	452	452	100,00	558	452	81,00	449	99,00	3	0,66	0	0,00	0	0,00
17	Thôn Hòa Mỹ	403	403	100,00	427	403	94,38	390	97,00	13	3,23	0	0,00	0	0,00
19	Thôn Hòa Đông	464	464	100,00	553	464	83,91	459	99,00	5	1,08	0	0,00	0	0,00
18	Thôn An Long	514	514	100,00	659	514	78,00	510	99,00	4	0,78	0	0,00	0	0,00
20	Thôn Định Phước	861	861	100,00	1.013	861	85,00	857	100,00	4	0,46	0	0,00	0	0,00
21	Thôn Mỹ Bình	593	593	100,00	608	593	97,53	593	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
22	Thôn Vĩnh Đại	520	520	100,00	668	520	77,84	519	100,00	1	0,19	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
23	Thôn Nam Sơn	396	396	100,00	431	396	91,88	396	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
24	Thôn Vân Thạch	631	631	100,00	922	631	68,44	631	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
25	Thôn Phái Nhon	648	648	100,00	766	648	84,60	646	100,00	2	0,31	0	0,00	0	0,00
26	Thôn Thọ Khuong	452	452	100,00	534	452	84,64	449	99,00	3	0,66	0	0,00	0	0,00
27	Thôn Vân Trai	441	441	100,00	475	441	92,84	437	99,00	4	0,91	0	0,00	0	0,00
28	Thôn Đông Xuân	383	383	100,00	494	383	77,53	382	100,00	1	0,26	0	0,00	0	0,00
29	Thôn Đông Bình	334	334	100,00	431	334	77,49	334	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
30	Thôn Đông An	505	505	100,00	695	505	72,66	493	98,00	12	2,38	0	0,00	0	0,00
31	Thôn Hòa An	441	441	100,00	564	441	78,19	441	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
<b>VIII</b>	<b>Xã Tam Anh</b>	<b>7.549</b>	<b>7.549</b>	<b>100,00</b>	<b>8.303</b>	<b>7.549</b>	<b>90,92</b>	<b>7.527</b>	<b>99,71</b>	<b>22</b>	<b>0,29</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Thôn Đức Bó 1	405	405	100,00	405	405	100,00	400	99,00	5	1,23	0	0,00	0	0,00
2	Thôn Đức Bó 2	304	304	100,00	304	304	100,00	304	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Thôn An Lương	418	418	100,00	422	418	99,05	417	100,00	1	0,24	0	0,00	0	0,00
4	Thôn Trà Lý	448	448	100,00	467	448	95,93	447	100,00	1	0,22	0	0,00	0	0,00
5	Thôn Thuận An	487	487	100,00	490	487	99,39	487	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
6	Thôn Mỹ Sơn	428	428	100,00	485	428	88,25	428	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
7	Thôn Nam Định	300	300	100,00	300	300	100,00	296	99,00	4	1,33	0	0,00	0	0,00
8	Thôn Tiên Xuân 1	480	480	100,00	519	480	92,49	480	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Thôn Tiên Xuân 2	398	398	100,00	646	398	61,61	396	99,00	2	0,50	0	0,00	0	0,00
10	Thôn Diêm Phở	752	752	100,00	798	752	94,24	752	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	Thôn Xuân Ngọc	422	422	100,00	602	422	70,10	422	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	Thôn Phú Vinh	458	458	100,00	510	458	89,80	451	98,00	7	1,53	0	0,00	0	0,00
13	Thôn Đông Thạnh	623	623	100,00	715	623	87,13	621	100,00	2	0,32	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
14	Thôn Bình An	438	438	100,00	448	438	97,77	438	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
15	Thôn Xuân Tân	494	494	100,00	498	494	99,20	494	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
16	Thôn Hòa Bình	490	490	100,00	490	490	100,00	490	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
17	Thôn Hòa An	204	204	100,00	204	204	100,00	204	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
<b>IX</b>	<b>Xã Nam Phước</b>	<b>14.079</b>	<b>14.079</b>	<b>100,00</b>	<b>14.079</b>	<b>14.079</b>	<b>100,00</b>	<b>14.045</b>	<b>99,76</b>	<b>33</b>	<b>0,23</b>	<b>1</b>	<b>0,01</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Đông Bình	426	426	100,00	426	426	100,00	426	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Vĩnh Nam	745	745	100,00	745	745	100,00	741	99,00	4	0,54	0	0,00	0	0,00
3	Trà Đông	595	595	100,00	595	595	100,00	591	99,00	4	0,67	0	0,00	0	0,00
4	Hà Mỹ	536	536	100,00	536	536	100,00	536	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
5	Hà Nam	1.016	1.016	100,00	1.016	1.016	100,00	1.009	99,00	7	0,69	0	0,00	0	0,00
6	Câu Lâu Tây	467	467	100,00	467	467	100,00	464	99,00	3	0,64	0	0,00	0	0,00
7	Câu Lâu Đông	369	369	100,00	369	369	100,00	368	100,00	1	0,27	0	0,00	0	0,00
8	Mỹ Phước	615	615	100,00	615	615	100,00	615	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Hà Nhuận	428	428	100,00	428	428	100,00	428	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
10	Triều Châu	412	412	100,00	412	412	100,00	412	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	Hòa Bình	434	434	100,00	434	434	100,00	434	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	Lang Châu Nam	480	480	100,00	480	480	100,00	478	100,00	2	0,42	0	0,00	0	0,00
13	Lang Châu Bắc	563	563	100,00	563	563	100,00	561	100,00	2	0,36	0	0,00	0	0,00
14	Xuyên Tây	704	704	100,00	704	704	100,00	703	100,00	1	0,14	0	0,00	0	0,00
15	Long Xuyên 1	537	537	100,00	537	537	100,00	537	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
16	Xuyên Đông	884	884	100,00	884	884	100,00	883	100,00	1	0,11	0	0,00	0	0,00
17	Phước Mỹ	557	557	100,00	557	557	100,00	557	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
18	Long Xuyên 2	714	714	100,00	714	714	100,00	714	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
19	Châu Hiệp	804	804	100,00	804	804	100,00	801	100,00	2	0,25	1	0,00	0	0,00
20	Bình An	545	545	100,00	545	545	100,00	545	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
21	Mỹ Hoà	690	690	100,00	690	690	100,00	687	100,00	3	0,43	0	0,00	0	0,00
22	Phước Xuyên	841	841	100,00	841	841	100,00	841	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
23	Mỹ Xuyên	717	717	100,00	717	717	100,00	714	100,00	3	0,42	0	0,00	0	0,00
<b>X</b>	<b>Xã Thăng Bình</b>	<b>14.085</b>	<b>14.085</b>	<b>100,00</b>	<b>14.260</b>	<b>14.085</b>	<b>98,77</b>	<b>14.040</b>	<b>99,68</b>	<b>34</b>	<b>0,24</b>	<b>11</b>	<b>0,08</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>
1	Thôn 1	650	650	100,00	683	650	95,17	648	100,00	2	0,31	0	0,00	0	0,00
2	Thôn 2	601	601	100,00	601	601	100,00	601	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Thôn 3	647	647	100,00	650	647	99,54	647	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
4	Thôn 4	627	627	100,00	627	627	100,00	627	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
5	Thôn 5	410	410	100,00	422	410	97,16	409	100,00	1	0,24	0	0,00	0	0,00
6	Thôn 6	495	495	100,00	499	495	99,20	494	100,00	0	0,00	1	0,00	0	0,00
7	Thôn 7	659	659	100,00	659	659	100,00	657	100,00	2	0,30	0	0,00	0	0,00
8	Thôn 8	552	552	100,00	554	552	99,64	552	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Thôn 9	609	609	100,00	611	609	99,67	609	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
10	Liễu Thạnh	461	461	100,00	461	461	100,00	461	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	Liễu Trì	377	377	100,00	416	377	90,63	372	99,00	5	1,33	0	0,00	0	0,00
12	Thanh Ly 1	576	576	100,00	576	576	100,00	575	100,00	1	0,17	0	0,00	0	0,00
13	Thanh Ly 2	612	612	100,00	621	612	98,55	612	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	Bình Hiệp	757	757	100,00	776	757	97,55	751	99,00	6	0,79	0	0,00	0	0,00
15	Ngọc Sơn Đông	547	547	100,00	547	547	100,00	547	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
16	Ngọc Sơn Tây	922	922	100,00	928	922	99,35	910	99,00	12	1,30	0	0,00	0	0,00
17	Tất Viên	729	729	100,00	732	729	99,59	727	100,00	2	0,27	0	0,00	0	0,00

STT	Thôn	Số lượng phiếu			Số lượng hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến							
		Phiếu phát ra	Phiếu thu vào	Tỉ lệ (%)	Tổng số hộ gia đình	Số hộ gia đình tham gia lấy ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số hộ gia đình đồng ý		Số hộ gia đình không đồng ý		Số hộ gia đình có ý kiến không hợp lệ		Số hộ gia đình có ý kiến khác	
								Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
18	Quý Hương	581	581	100,00	583	581	99,66	581	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
19	Quý Mỹ	528	528	100,00	530	528	99,62	528	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
20	Quý Phước	747	747	100,00	780	747	95,77	747	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
21	Quý Thạnh 1	603	603	100,00	603	603	100,00	591	98,00	2	0,33	10	0,02	0	0,00
22	Quý Thạnh 2	708	708	100,00	711	708	99,58	708	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
23	Quý Xuân	687	687	100,00	690	687	99,57	686	100,00	1	0,15	0	0,00	0	0,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>108.599</b>	<b>108.599</b>	<b>100,00</b>	<b>114.097</b>	<b>108.599</b>	<b>95,18</b>	<b>108.038</b>	<b>99,48</b>	<b>548</b>	<b>0,51</b>	<b>13</b>	<b>0,01</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>